



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN NÔNG THÔN TRÀ VINH



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

# MỤC

I

## **THÔNG TIN CHUNG**

Thông tin khái quát  
Quá trình hình thành và phát triển  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Mô hình quản trị và bộ máy quản lý  
Định hướng phát triển  
Các rủi ro

II

## **TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NĂM**

Tổ chức và nhân sự  
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tình hình đầu tư  
Tình hình tài chính  
Cơ cấu cổ đông

III

## **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tình hình tài chính  
Những cải tiến trong năm  
Kế hoạch phát triển trong tương lai  
Giải trình của ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán

# LỤC

## IV

### **ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY**

Về các mặt hoạt động của Công ty

Về hoạt động của Ban Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Báo cáo phát triển bền vững

## V

### **QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

## VI

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính đã kiểm toán

## THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



# THÔNG TIN KHÁI QUÁT

**Tên giao dịch** Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh

**Tên tiếng anh** Tra Vinh Rural Electric Development Joint Stock Company

**Vốn điều lệ** 52.800.000.000 đồng

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu** 52.800.000.000 đồng

**Giấy chứng nhận ĐKKD** Số 2100110200 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp thay đổi lần 4 ngày 1 tháng 8 năm 2017

**Địa chỉ** Số 68, Nguyễn Chí Thanh, Khóm 1, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

**Điện thoại** (0294) 3850017

**Fax** (0294) 3850017

**Mã cổ phiếu** DTV

**Website** [www.diennongthontv.com](http://www.diennongthontv.com)

**Logo Công ty**



# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

**Tiền thân**

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh là Ban Quản Lý Điện Nông thôn Trà Vinh trực thuộc UBND tỉnh Trà Vinh.**

**Tháng 10/1996**

**Công ty Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh chính thức đi vào hoạt động với nguồn vốn gần 500 triệu đồng.**

**Tháng 7/2006**

**Công ty Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh chính thức đi vào hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần với mức vốn điều lệ 52.800.000.000 đồng.**

**Tháng 9/2010**

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh chính thức được giao dịch trên sàn giao dịch Upcom với mã cổ phiếu là DTV.**

**Tháng 8/2017**

**Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 4.**

# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## \* Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh mua bán điện, vật tư chuyên ngành điện.
- Đầu tư xây dựng phát triển các công trình điện.
- Thi công lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 35KV.
- Tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình điện đến cấp điện áp 35KV.

## \* Địa bàn kinh doanh:

Công ty hoạt động và kinh doanh trên 7 huyện, 1 thị xã và một phần thành phố Trà Vinh.





## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### **Các mục tiêu chủ yếu:**

- Mở rộng mạng lưới khách hàng và gia tăng sản lượng điện cung cấp. Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được đề ra tại Đại hội đồng cổ đông và đảm bảo lợi nhuận mục tiêu cho năm 2019.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đầu tư mới các công trình đường dây hạ thế, cải tạo và sửa chữa các đường dây đã xuống cấp.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên giỏi về chuyên môn, năng động, sáng tạo, nhạy bén, thích ứng và có năng lực quản lý để đưa Công ty phát triển ngày một vững mạnh hơn.
- Xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định để đạt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận.

### **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội:**

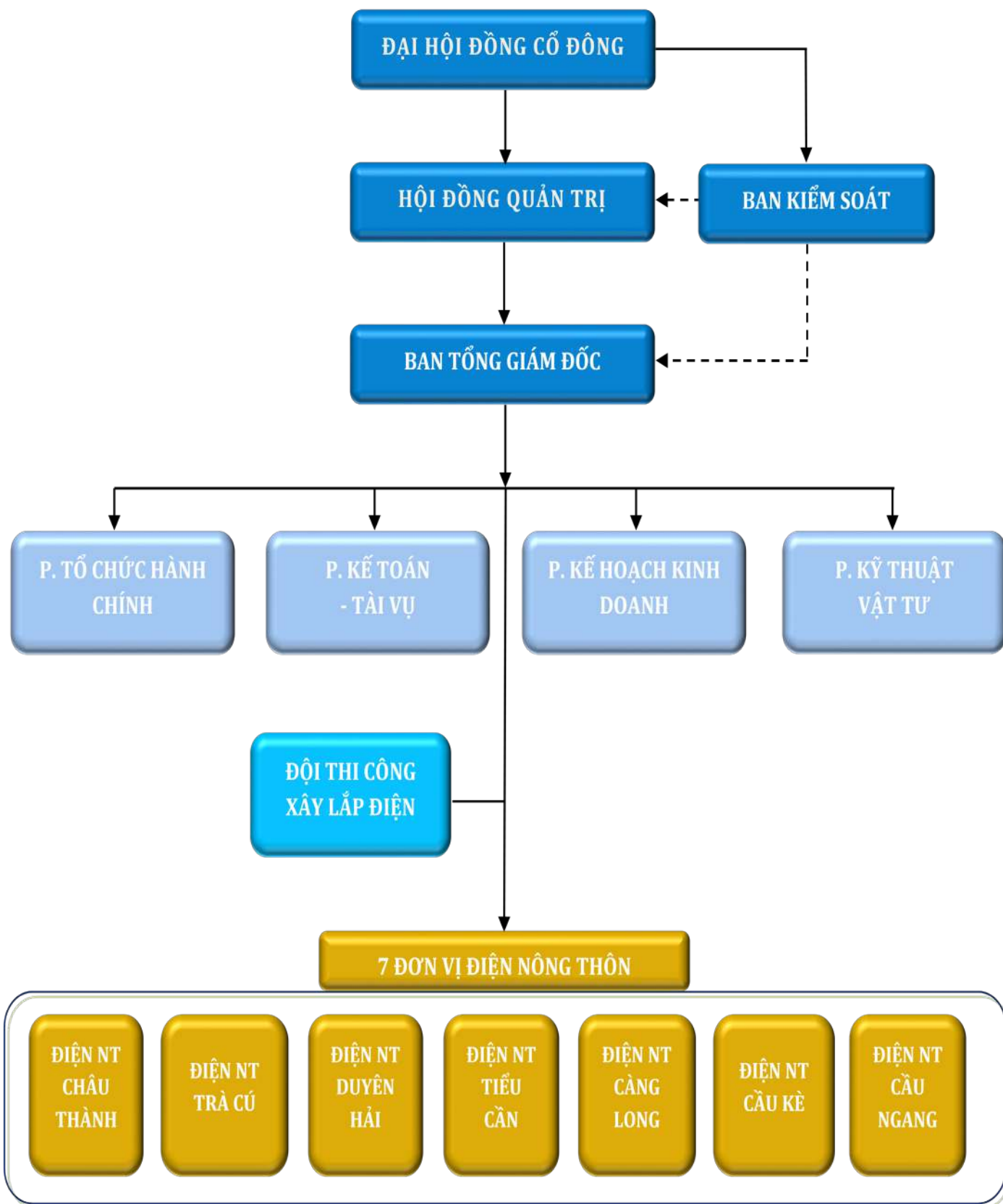
- Nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật đối với các hoạt động xây dựng, quản lý, vận hành các công trình điện, đảm bảo an toàn điện cho các hộ dân trên địa bàn.
- Đảm bảo đời sống và việc làm của người lao động, góp phần hỗ trợ sự phát triển của dân cư trong vùng phục vụ của Công ty.
- Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động thiện nguyện, góp phần vào công cuộc xây dựng Nông thôn mới ở Trà Vinh.

### **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Sắp xếp và tinh giản bộ máy tổ chức, điều chỉnh nhân sự một số phòng ban nhằm đạt được hiệu quả cao trong công tác quản lý và sử dụng hiệu quả chi phí Công ty.
- Áp dụng công nghệ thông tin vào hệ thống điều hành và quản lý Công ty. Tập trung phát triển các hoạt động chăm sóc khách hàng, nhằm theo sát nhu cầu thực tế và cải thiện chất lượng dịch vụ.
- Tìm kiếm, tuyển dụng kỹ sư chuyên ngành để từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của Công ty.



# MÔ HÌNH BỘ MÁY TỔ CHỨC CÔNG TY



Các công ty con, công ty liên kết: Không

# CÁC RỦI RO



## Rủi ro kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2018 đạt 7,08%, tăng và là mức tăng cao nhất từ năm 2008 trở lại đây. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung. Đó là những tín hiệu đáng mừng và mang lại hy vọng cho các doanh nghiệp về một nền kinh tế tăng trưởng bền vững. Điều này cho thấy, nhờ những chính sách và giải pháp của Chính phủ trong những tháng cuối năm đã ảnh hưởng tích cực đến nền kinh tế, đưa kinh tế Việt Nam có những chuyển biến tích cực và hoàn thành các mục tiêu đã đề ra trước đó.

## Rủi ro lạm phát

Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Năm 2018, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2018 là 3,54%. Tăng 0,01% so với năm 2017, tuy nhiên vẫn dưới mức mà Nhà nước đã đặt ra. Lạm phát cơ bản (CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống; năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và dịch vụ giáo dục) là 1,48% tăng so với năm 2017 là 1,41%. Nếu lạm phát được kiểm soát tốt sẽ hỗ trợ Công ty trong công tác kiểm soát chi phí, mang lại dòng tiền ổn định cho công ty trong những năm tới.

Cũng như các ngành nghề khác, ngành điện chịu sự ảnh hưởng từ sự điều chỉnh của nền kinh tế vì điện là đầu vào của hầu hết các ngành sản xuất kinh doanh. Sự phát triển hay suy thoái của nền kinh tế ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu sử dụng điện năng. Kết hợp những chuyển biến tốt từ nền kinh tế của Việt Nam như hiện tại và những dự báo về một giai đoạn tiếp tục phát triển trong tương lai, có thể thấy nhu cầu về nguồn điện đã, đang và sẽ vượt xa mức cung ứng, mang lại những tiềm năng phát triển mạnh mẽ cho các doanh nghiệp cung cấp điện. Hơn nữa, điện là sản phẩm thiết yếu nên luôn nhận được sự quan tâm sâu sát của Nhà nước, vì vậy so với các ngành nghề khác, sức ảnh hưởng từ những rủi ro của nền kinh tế lên các doanh nghiệp như DTV là không quá lớn.

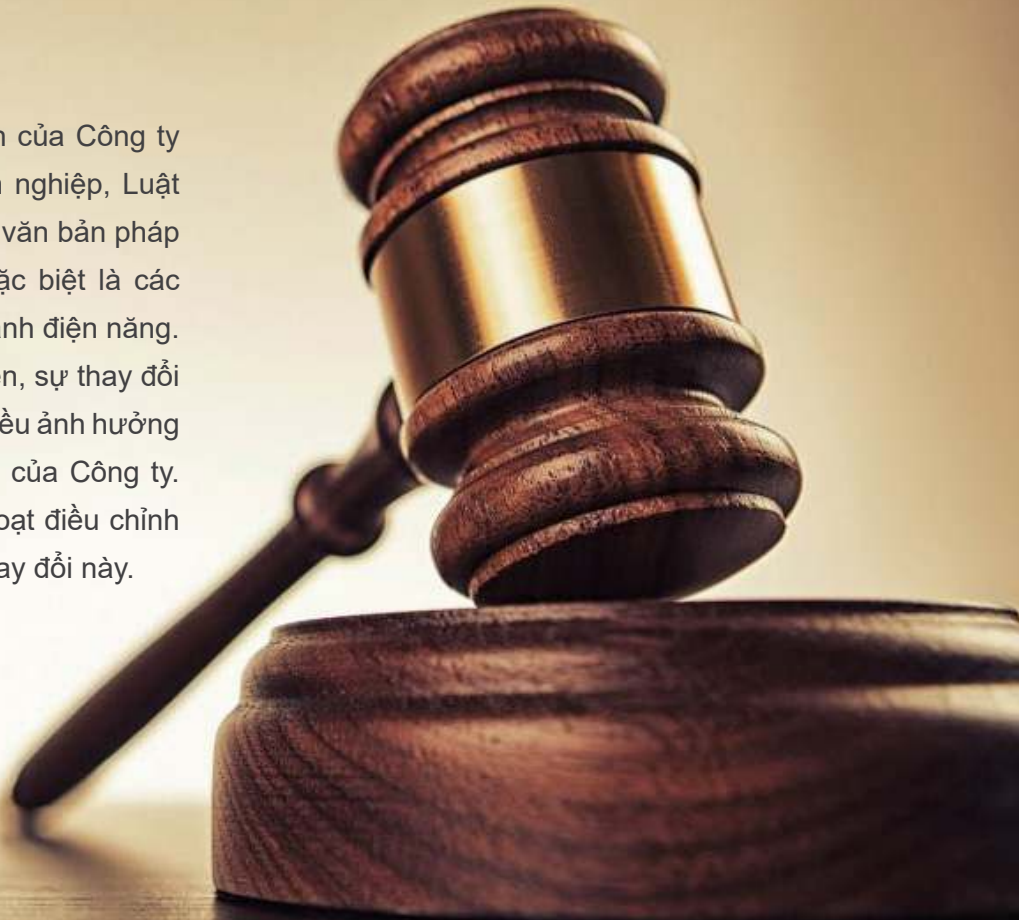
## Rủi ro đặc thù

Đặc thù của ngành kinh doanh điện là giá mua và bán điện phụ thuộc vào sự điều chỉnh giá của Nhà nước. Biến động về giá bán điện sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty điện. Trong khi đó, giá thành sản xuất điện không ngừng tăng lên do chi phí đầu vào tăng và sẽ tăng với tốc độ cao hơn nhiều lần mức độ tăng giá bán điện.

Bên cạnh đó, rủi ro về rò rỉ và an toàn điện luôn là một trong những mối quan tâm hàng đầu trong ngành cung cấp, phân phối điện. Do đó, Công ty thường xuyên thực hiện kiểm tra an toàn mạng lưới, chú trọng công tác đào tạo, chính sách bảo hiểm cho người lao động của Công ty.

## Rủi ro pháp luật

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật chứng khoán... và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan, đặc biệt là các quy định liên quan đến việc kinh doanh điện năng. Trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách, pháp luật sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Điều này đòi hỏi Công ty cần linh hoạt điều chỉnh sao cho đáp ứng được những sự thay đổi này.



## Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro trên, còn có rủi ro chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn,... Đây là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi có nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các rủi ro này không thể loại trừ nhưng có thể phòng ngừa.

## TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NĂM

- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình đầu tư
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Danh sách thành viên Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lý Ngọc Tuấn	Tổng giám đốc
2	Trương Thị Thùy Linh	Phó tổng giám đốc
3	Lê Thị Ngọc Hằng	Kế toán trưởng

## Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

<b>Ông Lý Ngọc Tuấn - Tổng giám đốc</b>	
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Điện - Điện tử (Điện năng)
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	3.800 cổ phần
Tỷ lệ	0,07% vốn điều lệ
Đại diện phần vốn: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ	
<b>Bà Trương Thị Thùy Linh - Phó tổng giám đốc</b>	
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	32.900 cổ phần
Tỷ lệ	0,62% vốn điều lệ
Đại diện phần vốn: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ	
<b>Bà Lê Thị Ngọc Hằng - Kế toán trưởng</b>	
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	4.300 cổ phần
Tỷ lệ	0,08% vốn điều lệ
Đại diện phần vốn: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ	

## Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Thị Khê	Chủ tịch HĐQT
2	Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT
3	Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Tống Sơn	Thành viên HĐQT
5	Lý Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

## Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Hội đồng quản trị

<b>Bà Lê Thị Khê - Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>	
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	59.900 cổ phần
Tỷ lệ	1,13% vốn điều lệ
Đại diện phần vốn: 0 cổ phiếu - chiếm 0% vốn điều lệ	
<b>Ông Lê Tuấn Hải - Thành viên Hội đồng quản trị</b>	
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phần
Tỷ lệ	0% vốn điều lệ
Đại diện phần vốn: 0 cổ phiếu - chiếm 0% vốn điều lệ	
<b>Ông Nguyễn Trọng Hiền - Thành viên Hội đồng quản trị</b>	
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phần
Tỷ lệ	0% vốn điều lệ
Đại diện phần vốn: 0 cổ phiếu - chiếm 0% vốn điều lệ	
<b>Ông Lý Ngọc Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị</b>	
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	3.800 cổ phần
Tỷ lệ	0,07% vốn điều lệ
Đại diện phần vốn: 0 cổ phiếu - chiếm 0% vốn điều lệ	
<b>Ông Nguyễn Tống Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị</b>	
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phần
Tỷ lệ	0% vốn điều lệ
Đại diện phần vốn: 0 cổ phiếu - chiếm 0% vốn điều lệ	

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Thay đổi trong cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Tổng Sơn	Thành viên HĐQT	19/04/2018	
2	Lý Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	19/04/2018	
3	Võ Phùng Thuận	Thành viên HĐQT		19/04/2018
4	Vũ Hiền	Thành viên HĐQT		19/04/2018

## Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban kiểm soát
2	Lương Thu Hằng	Thành viên ban kiểm soát

## Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Ban kiểm soát

<b>Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương - Trưởng ban kiểm soát</b>	
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phần
Tỷ lệ	0% vốn điều lệ
Đại diện phần vốn: 0 cổ phiếu - chiếm 0% vốn điều lệ	
<b>Bà Lương Thu Hằng - Thành viên Ban kiểm soát</b>	
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phần
Tỷ lệ	0% vốn điều lệ
Đại diện phần vốn: 0 cổ phiếu - chiếm 0% vốn điều lệ	

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Tình hình nhân sự và chính sách đối với người lao động

Tổng số lao động năm 2018 là 190 người			
Trong đó:			
STT	Tính chất phân loại	Năm 2018	Tỷ trọng năm 2018
<b>A</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>190</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ đại học, trên đại học	56	29,47%
2	Trình độ cao đẳng	29	15,26%
3	Trình độ trung cấp	50	26,32%
4	Công nhân chuyên nghiệp, lao động phổ thông	55	28,95%
<b>B</b>	<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>190</b>	<b>100%</b>
1	Không giới hạn	151	79,47%
2	Có thời hạn	39	20,53%
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>190</b>	<b>100%</b>
1	Nam	169	88,95%
2	Nữ	21	11,05%



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Tình hình nhân sự và chính sách đối với người lao động

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm		
STT	Năm	Mức thu nhập bình quân (Đồng/Người/Tháng)
1	2016	13.110.000
2	2017	12.160.000
3	2018	12.348.877

### Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Căn cứ vào trình độ chuyên môn của từng người mà Công ty có những mức lương, thưởng khác nhau dựa theo quy chế nội bộ và phù hợp với quy định của Nhà nước. Ngoài ra, hàng năm Công ty còn tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể nhân viên Công ty nhằm giúp nhân viên bảo đảm về sức khỏe. Cán bộ nhân viên của DTV sẽ được hưởng các chính sách và chế độ bảo hiểm như: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn theo quy định Luật Lao Động của Nhà nước.

### Chính sách đào tạo

DTV luôn chú trọng về đào tạo nguồn nhân lực cho Công ty vì đó là nhân tố quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của một doanh nghiệp.

Công ty luôn tổ chức những buổi đào tạo chuyên nghiệp nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, các kỹ năng, kiến thức về pháp luật phục vụ cho công tác quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh. Có chính sách thưởng phù hợp nhằm khuyến khích, động viên cho những nhân viên có ý thức chủ động trong việc nâng cao tay nghề làm việc.



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2018, DTV hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế trong nước có những điều kiện thuận lợi. Điều này góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản của bà con vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và tỉnh Trà Vinh nói riêng. Qua đó, thu nhập và mức sống của bà con được nâng cao, nhu cầu điện dành cho sinh hoạt và sản xuất cũng gia tăng. Cụ thể, Công ty đã đạt được kết quả hoạt động kinh doanh vô cùng tích cực. Doanh thu thuần đạt hơn 438,406 tỷ đồng, tăng trưởng 15,69% so với năm 2017, vượt 6,03% kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra. Lợi nhuận trước thuế ghi nhận đạt 22,008 tỷ đồng, vượt 1,52% so với kế hoạch.

### Cơ cấu doanh thu thuần

Khoản mục	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán điện thương phẩm	365.551	96,46%	426.485	97,28%
Doanh thu bán thiết bị điện	13.397	3,54%	11.921	2,72%
<b>Tổng cộng</b>	<b>378.948</b>	<b>100%</b>	<b>438.406</b>	<b>100%</b>

Doanh thu hợp nhất của Công ty đến từ hai mảng hoạt động kinh doanh chính bao gồm: kinh doanh điện thương phẩm và kinh doanh thiết bị điện. Doanh thu bán điện thương phẩm vẫn là nguồn thu chủ yếu của DTV. Mảng hoạt động kinh doanh này tăng trưởng 16,67%, đạt 426,485 tỷ đồng, chiếm 97,28% trong cơ cấu doanh thu của DTV. Trong khi đó, doanh thu bán thiết bị điện lại ghi nhận giảm 11,02%, đạt 11,92 tỷ đồng, chỉ chiếm 2,72% trong cơ cấu doanh thu.

### Cơ cấu giá vốn hàng bán

Khoản mục	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Giá vốn bán điện thương phẩm	311.363	98,25%	366.402	97,94%
Giá vốn bán thiết bị điện	8.016	2,53%	7.699	2,06%
Hoàn nhập dự phòng cải tạo	(2.468)	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>316.911</b>	<b>-</b>	<b>374.101</b>	<b>100%</b>

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

### Đầu tư cơ sở vật chất

Trong năm 2018, Công ty đã tiến hành cải tạo 18 công trình lưới hạ áp, xây dựng mới 28 công trình lưới hạ áp, thực hiện xây dựng mới 51 công trình đường dây trung áp và trạm biến áp. Bên cạnh đó, DTV cũng đã cho kiểm định 15.594 điện kế và 15 MBA, đầu tư toàn bộ hệ thống đo đếm điện cho 5.250 hộ dân. Ngoài ra, DTV còn tổ chức sửa chữa điện thường xuyên với chi phí hơn 1,6 tỷ đồng. Những công trình này góp phần mở rộng mạng lưới cấp điện về vùng nông thôn, nâng cao chất lượng dịch vụ và mang lại kết quả hoạt động kinh doanh tích cực hơn cho DTV.

Tên hạng mục	Số lượng công trình	Chiều dài (Km)	Dung lượng lắp mới TBA (kVA)	Tổng kinh phí (Triệu đồng)
Cải tạo lưới hạ áp	18	19	-	373
Xây dựng mới lưới hạ áp	28	10,96	-	1.404
Xây dựng mới đường dây trung áp và Trạm biến áp	51	0,72	3.575	4.573
Kiểm định thiết bị đo đếm (15.594 điện kế và 15 MBA)	-	-	-	769
Đầu tư toàn bộ hệ thống đo đếm điện kể cả các thiết bị, phụ kiện kèm theo (5.250 hộ)	-	-	-	3.341
Sửa chữa thường xuyên	-	-	-	1.657
<b>Tổng cộng</b>	<b>97</b>	<b>30,68</b>	<b>3.575</b>	<b>12.117</b>

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2017	TH 2018	KH 2018	TH 2018/ TH 2017	TH/KH 2018
Doanh thu thuần	Tr. đồng	378.948	438.406	413.489	115,69%	106,03%
Giá vốn hàng bán	Tr. đồng	316.911	374.101	349.025	118,05%	107,18%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đồng	24.651	21.985	21.678	89,19%	101,42%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	24.812	22.008	21.678	88,70%	101,52%
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	19.728	17.373	17.342	88,06%	100,18%
EPS	Đồng	3.653	3.300	3.294	90,34%	100,18%

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	5,75	7,43
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	5,14	5,99
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	9,62	7,51
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	10,65	8,12
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	48,09	44,7
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	3,67	4,36
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,19	3,96
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	22,78	18,90
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	19,07	17,28
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6,49	5,01

### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Chỉ tiêu khả năng thanh toán đánh giá năng lực khả năng tài chính của doanh nghiệp. Các hệ số trong năm 2018 đều tăng so với cùng kỳ năm 2017. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn từ 5,75 lần lên 7,43 lần. Hệ số thanh toán nhanh từ 5,14 lần tăng lên 5,99 lần. Để đạt được những con số này, trong năm qua DTV đã có những chính sách phù hợp làm giảm 22,44% nợ ngắn hạn so với năm 2017.

### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Tính đến cuối năm 2018, trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty chỉ còn là nợ ngắn hạn. Dẫn đến các chỉ tiêu về cơ cấu vốn trong năm 2018 đều có sự sụt giảm. Hệ số nợ/tổng tài sản giảm từ 9,62% năm 2017 xuống còn 7,51% năm 2018. Trong cơ cấu nợ của Công ty không có sự xuất hiện của nợ vay, điều này làm giảm áp lực về tài chính trong quá trình hoạt động của DTV.



### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay tổng tài sản của Công ty tăng từ 3,67 vòng năm 2017 lên thành 4,36 vòng năm 2018 nguyên nhân chính do doanh thu thuần trong năm tăng 6,03 % đạt 438,406 tỷ đồng. Trong khi đó, vòng quay hàng tồn kho giảm nhẹ, từ 48,09 vòng xuống còn 44,7 vòng.

### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của DTV đều có sự sụt giảm nhẹ trong năm 2018. Cụ thể ROE đạt 18,90%, ROA đạt 17,28%. Biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm từ 6,49% trong năm 2017 xuống còn 5,01% trong năm 2018. Biên lợi nhuận sau thuế giảm chỉ còn 3,96%.

# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

## CỔ PHẦN CÔNG TY

Vốn điều lệ: 52.800.000.000 đồng

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ phiếu thường: 5.280.000 cổ phần

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 5.264.000 cổ phần

Số lượng cổ phiếu quỹ: 16.000 cổ phiếu

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ
1	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>113</b>	<b>5.247.300</b>	<b>99,38%</b>
	Tổ chức	4	4.942.800	94,2%
	Cá nhân	109	304.500	5,18%
2	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>3</b>	<b>16.700</b>	<b>0,32%</b>
	Tổ chức	2	15.200	0,29%
	Cá nhân	1	1.500	0,03%
3	<b>Cổ phiếu quỹ</b>		16.000	0,30%
<b>Tổng cộng</b>		<b>116</b>	<b>5.280.000</b>	<b>100%</b>

## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tên cổ đông lớn	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	030074143	364, Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, Tp. HCM	3.489.272	66,08%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư	103021608	59, phố Lý Thái Tổ, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.075.258	20,36%
Công ty Cổ phần Galax	101503257	Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	375.270	7,11%

**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không

**Các chứng khoán khác:** Không



## **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

- **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- **Tình hình tài chính**
- **Những cải tiến trong năm**
- **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- **Giải trình của ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán**





# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## Đánh giá tình hình chung

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	TH 2018	% tăng/giảm so với kế hoạch
Tổng doanh thu	Triệu đồng	413.489	438.406	6,03%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	21.678	22.008	1,52%

### Thuận lợi

Năm 2018 tình hình kinh tế vĩ mô thuận lợi tạo điều kiện để các doanh nghiệp trong địa bàn tỉnh mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND, các Sở, Ban ngành, các cấp chính quyền địa phương hỗ trợ Công ty trong việc quản lý đầu tư phát triển mở rộng lưới điện.

Được sự chỉ đạo, điều hành đúng đắn của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và quyết tâm phấn đấu của toàn thể cán bộ, nhân viên trong Công ty.

Công ty có 7 chi nhánh điện nông thôn trên địa bàn 7 huyện, với cơ sở vật chất khang trang nhằm vận hành lưới điện hiệu quả, kịp thời xử lý các sự cố điện.

### Khó khăn

Tình trạng biến đổi khí hậu diễn ra thất thường, tính nghiêm trọng ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất nông nghiệp của nhiều hộ dân trên địa bàn trong tỉnh sẽ làm giảm sản lượng điện năng tiêu thụ.

Địa bàn quản lý kinh doanh vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, sản lượng tiêu thụ điện thấp, giao thông đi lại khó khăn làm ảnh hưởng đến công tác ghi thu tiền điện và quản lý lưới điện.

### Đánh giá tình hoạt động kinh doanh

Trước những điều kiện thuận lợi và khó khăn trên, Ban Tổng giám đốc và tập thể người lao động Công ty đã nỗ lực, tận dụng mọi nguồn lực, phối hợp thực hiện và đạt được kết quả kinh doanh đáng tự hào. Doanh thu đạt 438,406 tỷ đồng, tăng trưởng 15,69% so với năm 2017. Hơn thế nữa, Công ty đã tích cực thực hiện kiểm soát chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, để đạt 22,008 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, vượt 1,52% so với kế hoạch năm 2018.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ tăng/giảm
<b>Tài sản</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>101.097</b>	<b>99.961</b>	<b>(1,12%)</b>
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	55.647	55.827	0,32%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	45.450	44.134	(2,90%)
<b>Nợ phải trả</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>9.727</b>	<b>7.509</b>	<b>(22,80%)</b>
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	9.682	7.509	(22,44%)
Nợ dài hạn	Triệu đồng	44,14	0	0

### Tài sản

Kết thúc năm 2018, tài sản của Công ty giảm nhẹ 1,12% so với năm 2017 đạt 99,96 tỷ đồng. Trong cơ cấu tài sản của DTV, chiếm tỷ trọng lớn nhất vẫn là tài sản ngắn hạn với 55,85% trong cơ cấu tổng tài sản. Năm 2018, tài sản ngắn hạn tăng nhẹ 0,32% so với cùng kỳ năm trước, tài sản dài hạn cũng giảm nhẹ từ 45 tỷ xuống còn 44 tỷ.

### Nợ phải trả

Nợ phải trả của Công ty tại thời điểm cuối năm 2018 giảm mạnh về mức 7,509 tỷ đồng, tương đương giảm 22,80% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, Nợ ngắn hạn giảm 22,44% còn 7,509 tỷ đồng và chiếm 100% trong cơ cấu nợ của Công ty. Ngoài ra, Công ty vẫn duy trì chính sách không sử dụng nợ vay, điều này thể hiện nỗ lực của DTV trong việc hướng đến một cơ cấu tài chính lành mạnh.

## NHỮNG CẢI CÁCH VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

- > Có những phần thưởng nhằm khuyến khích những cá nhân có thành tích xuất sắc, sáng kiến trong công việc nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- > Thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Đảm bảo môi trường làm việc lành mạnh, an toàn.
- > Cập nhật kịp thời quy định mới về quản trị công ty, công bố thông tin, đảm bảo tính công khai và minh bạch trong hoạt động của công ty, tạo niềm tin cho nhà đầu tư.
- > Thực hiện tốt quy chế tiết kiệm trong sử dụng điện, quy chế thi đua khen thưởng và tiêu chuẩn chấm điểm thi đua.



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường và năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2019 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Tỷ lệ 2019/2018
Tổng doanh thu	Triệu đồng	438.406	479.452	109,36%
Sản lượng điện	Triệu Kwh	249,70	274,49	110%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	22.008	28.301	128,59%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	17.373	22.641	130,32%

### Các biện pháp thực hiện cụ thể:

Để có thể hoàn thành được những mục tiêu đã đề ra cho năm 2019, DTV đã triển khai thực hiện những công việc chính:

#### \* Công tác tổ chức:

Tiếp tục xây dựng bộ máy tổ chức quản lý hoạt động có hiệu quả, đảm bảo các quyết định, chủ trương của cấp quản lý được triển khai một cách rõ ràng và sáng suốt đến từng bộ phận.

Xây dựng các chính sách đào tạo nhân viên có trình độ chuyên môn cao, có khả năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc.

#### \* Công tác an toàn:

Thực hiện tốt các quy định về an toàn sửa chữa và sử dụng điện tại Công ty.

Trang bị, kiểm tra và tổ chức các buổi tập huấn cho các cán bộ công nhân viên trong Công ty cũng như khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty.

**\* Công tác kinh doanh:**

Đưa ra các chương trình chăm sóc khách hàng cũ, phát triển các khách hàng tiềm năng và mở rộng mạng lưới điện đến các vùng lân cận.

Giải quyết và xử lý các vấn đề của khách hàng phản hồi khi sử dụng dịch vụ lắp đặt điện của Công ty.

**\* Công tác khác:**

Tinh gọn bộ máy quản lý, sắp xếp lực lượng lao động phù hợp với nhu cầu công việc của từng bộ phận, từng phòng ban.

Giải quyết kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

**Giải trình của ban Giám đốc về ý kiến kiểm toán:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của DTV được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán và đã có ý kiến chấp nhận toàn phần. Cho nên, DTV không tiến hành giải trình ở phần này.



## **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- Về các mặt hoạt động của Công ty
- Về hoạt động của Ban Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị
- Báo cáo phát triển bền vững



XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM MUÔN NĂM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀO ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**  
Thị trấn, ngày 17 tháng 4 năm 2018

Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, chăm sóc và bảo vệ quyền lợi của người lao động, nhất là người lao động nghèo, người lao động có hoàn cảnh khó khăn, người lao động có công lao đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.



## ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Năm 2018, DTV đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông đề ra. Đảm bảo tốt công tác an toàn mạng lưới, không để xảy ra tình trạng rò rỉ điện gây ảnh hưởng đến những hộ dân lân cận. Đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ cho hoạt động lắp đặt đường điện, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, chuyên môn cao, chú trọng công tác khảo sát và tiếp thu ý kiến đóng góp của khách hàng nhằm nâng cao vị thế DTV trong ngành tại địa bàn tỉnh nhà, tạo ra nguồn doanh thu tăng trưởng bền vững trong những năm tiếp theo. Cán bộ quản lý Công ty có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc được giao, có năng lực, đạo đức nghề nghiệp và đoàn kết nội bộ. Bên cạnh đó, Công ty cũng có chính sách chia sẻ một phần lợi nhuận vào các hoạt động vì cộng đồng xã hội như: đóng góp xây dựng nhà tình nghĩa cho những gia đình chính sách, quý vì người nghèo và tàn tật, công tác đền ơn đáp nghĩa,....

## ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong điều hành sản xuất kinh doanh, chuẩn bị các nội dung báo cáo và trình Hội đồng quản trị xem xét. Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách cẩn trọng có hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty. Thông qua các cuộc họp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đề xuất những giải pháp và xin ý kiến của Hội đồng quản trị để giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc của Công ty. Công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động ngày càng được phát huy hiệu quả, nâng cao năng suất công việc, tiết kiệm chi phí hoạt động.



## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nhằm khắc phục những tồn tại và thực hiện tốt nhiệm vụ đặt ra, Công ty tập trung thực hiện các biện pháp:

- Tiếp tục thực hiện đề án phát triển khách hàng và giảm tổn thất điện năng.
- Kiện toàn bộ máy tổ chức Công ty nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.
- Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, giám sát tổ chức đấu thầu mua sắm vật tư và các thiết bị thi công và thiết bị văn phòng phục vụ năm 2019 đúng theo quy định.
- Tăng cường công tác quản trị, giám sát chặt chẽ và chỉ đạo sâu sắc, kịp thời hoạt động kinh doanh của Ban điều hành và cán bộ quản lý để thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.
- Tổ chức đầy đủ các phiên họp định kỳ của Hội đồng quản trị để thảo luận tình hình thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh và đề ra kế hoạch theo từng thời điểm phù hợp với thực tế của địa phương và đơn vị.
- HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp bất thường để xử lý những vấn đề phát sinh (nếu có) thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.



# BÁO CÁO

## PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công ty luôn duy trì công tác quản lý, tuân thủ tuyệt đối các quy định của Pháp luật về công tác bảo vệ môi trường, nâng cao ý thức của người lao động trong vấn đề bảo vệ môi trường. Điều kiện vệ sinh môi trường lao động hàng năm được Công ty kiểm tra, đánh giá và khắc phục kịp thời. Công ty luôn ý thức được trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và xã hội trong công tác tư vấn cũng như hoạt động đầu tư. Tất cả các dự án Công ty tham gia công tác tư vấn, đầu tư đều tham vấn cộng đồng địa phương; tìm hiểu điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội khu vực thực hiện dự án; đánh giá, dự báo tác động môi trường của dự án...; đưa ra các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực, ứng phó rủi ro, sự cố của dự án...



Do đặc thù ngành hoạt động, nguồn năng lượng công ty đang sử dụng cũng chính là hàng hóa mà Công ty kinh doanh. Tiêu thụ năng lượng điện của Công ty chủ yếu dùng cho các hoạt động tại văn phòng làm việc. Bên cạnh đó, Công ty còn sử dụng các nguồn nguyên liệu hóa thạch như: xăng, dầu, nhớt để vận hành các phương tiện, máy móc phục vụ cho việc lắp đặt các công trình điện.



### Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh:

Lĩnh vực hoạt động của Công ty nhằm phục vụ cho sự phát triển của xã hội. Việc đầu tư mở rộng mạng lưới hoạt động của DTV cũng không nằm ngoài mục tiêu này.



## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không có tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

## Đánh giá tình hình chung

STT	Họ và tên	Chức danh	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Lê Thị Khê	Chủ tịch	4	100%	
2	Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên	4	100%	
4	Lê Tuấn Hải	Thành viên	4	100%	
5	Nguyễn Tổng Sơn	Thành viên	4	100%	
6	Lý Ngọc Tuấn	Thành viên	4	100%	

## Các nghị quyết và quyết định trong năm 2018 của HĐQT

### Quyết định HĐQT

STT	Số quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	14/QĐ-HĐQT	30/1/2018	Quyết định tặng giấy khen tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2017
2	15/QĐ-HĐQT	30/1/2018	Quyết định tặng giấy khen cho cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2017
3	29/QĐ-HĐQT	7/5/2018	Quyết định về việc ban hành hệ thống thang, bảng lương, Quy chế trả lương và khen thưởng bằng tiền năm 2018
4	34/QĐ-HĐQT	14/6/2018	Quyết định ban hành Quy chế tài chính và chi tiêu nội bộ
5	35/QĐ-HĐQT	14/6/2018	Quyết định ban hành Quy chế cán bộ
6	37/QĐ-HĐQT	1/8/2018	Quyết định miễn nhiệm chức vụ phó Giám đốc Điện nông thôn Càng Long
7	38/QĐ-HĐQT	1/8/2018	Quyết định bổ nhiệm Thư ký HĐQT
8	39/QĐ-HĐQT	10/8/2018	Quyết định về việc kiêm nhiệm phó Giám đốc Điện nông thôn Châu Thành
9	40/QĐ-HĐQT	10/8/2018	Quyết định về việc điều động cán bộ

## Nghị quyết HĐQT

STT	Số nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
1	17/NQ-HĐQT	12/02/2018	NQ về việc bổ sung vốn đầu tư xây dựng lưới điện phục vụ nuôi thủy sản khu vực xã Hòa Minh - huyện Châu Thành
2	18/NQ-HĐQT	01/03/2018	NQ về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu chương trình nâng cấp, cải tạo, phát triển lưới điện trung, hạ áp, khách hàng và mua sắm năm 2018
3	19/NQ-HĐQT	02/03/2018	NQ về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017
4	20/NQ-HĐQT	05/03/2018	NQ về việc chấp thuận đơn xin thôi chức vụ Trưởng phòng Tổ chức-Hành chính (TC-HC) và đề bạt chức vụ phó phòng TC-HC
5	21/NQ-HĐQT	28/3/2018	NQ về việc phê chuẩn tài liệu Đại hội đồng Cổ đông năm 2018
6	22/NQ-HĐQT	03/4/2018	NQ về việc phê duyệt kết quả xét thầu cung cấp máy biến áp (MBA) và điện kế
7	23/NQ-HĐQT	03/4/2018	NQ về việc phê duyệt kết quả xét thầu cung cấp điện, cung cấp phụ kiện đường dây, MBA, phụ kiện nhánh rẽ khách hàng
8	24/NQ-HĐQT	19/04/2018	NQ Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018
9	26/NQ-HĐQT	02/05/2018	NQ về việc cho đăng tải thông tin mời thầu mua sắm vật tư thiết bị trên cổng thông tin điện tử của Công ty
10	27/NQ-HĐQT	02/05/2018	NQ về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm vật tư thiết bị cho công tác lắp đặt nhánh rẽ khách hàng
11	28/NQ-HĐQT	02/05/2018	NQ về việc phê chuẩn kết quả sản xuất kinh doanh quý 01 và kế hoạch quý 2 năm 2018
12	30/NQ-HĐQT	17/5/2018	NQ về việc phê chuẩn kết quả xét thầu gói thầu cung cấp cáp điện hạ áp (gói 9) và cung cấp thiết bị đóng cắt, tụ bù (gói 10)
13	31/NQ-HĐQT	24/5/2018	NQ về việc thu hồi Nghị quyết số 25 về việc chốt danh sách trả cổ tức lần 2 năm 2017
14	32/NQ-HĐQT	24/5/2018	NQ về việc chốt danh sách cổ đông trả cổ tức đợt 2 năm 2017
15	33/NQ-HĐQT	13/6/2018	NQ về việc ban hành các Quy chế
16	36/NQ-HĐQT	31/7/2018	NQ phiên họp thứ 2 của HĐQT
17	37/NQ-HĐQT	9/8/2018	NQ về việc thông qua nội dung văn bản lấy ý kiến Ủy viên HĐQT
18	41/NQ-HĐQT	8/11/2018	NQ phiên họp thứ 3 của HĐQT
19	44/NQ-HĐQT	12/12/2018	NQ về việc thông qua nội dung văn bản lấy ý kiến Ủy viên HĐQT

# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

## Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>			
1	Lê Thị Khê	Chủ tịch HĐQT	75.000.000	
2	Lý Ngọc Tuấn	Thành viên	28.000.000	Bổ nhiệm tháng 4/2018
3	Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên	42.000.000	
4	Võ Phùng Thuận	Thành viên	14.000.000	Miễn nhiệm tháng 4/2018
5	Lê Tuấn Hải	Thành viên	42.000.000	
6	Vũ Hiền	Thành viên	14.000.000	Miễn nhiệm tháng 4/2018
7	Nguyễn Tổng Sơn	Thành viên	28.000.000	Bổ nhiệm tháng 4/2018
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>			
1	Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng BKS	60.000.000	
2	Lương Thu Hằng	Thành viên	36.000.000	

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán







33

720

257

9

## **Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



# **Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



# Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 26

# Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh ("Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo theo Quyết định số 1154/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2005. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh đồng thuận bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 2100110200 ngày 13 tháng 7 năm 2006 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Ngày 9 tháng 9 năm 2010, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã chứng khoán DTV.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán lẻ điện nông thôn; vật tư chuyên ngành điện; thi công lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 35 KV; tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình điện đến cấp điện áp 35 KV.

Công ty có trụ sở chính tại Khóm 1, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Khê	Chủ tịch	
Ông Lê Tuấn Hải	Thành Viên	
Ông Lý Ngọc Tuấn	Thành Viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên	
Ông Nguyễn Tống Sơn	Thành Viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Võ Phùng Thuận	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Vũ Hiền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018

### BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban
Bà Lương Thu Hằng	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lý Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Trương Thị Thùy Linh	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lý Ngọc Tuấn.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:


- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Lý Ngọc Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

Số tham chiếu: 61296701/20265433

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 2 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 26, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

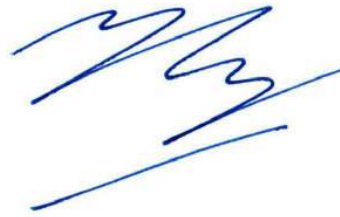
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



---

Lê Vũ Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1588-2018-004-1



---

Nguyễn Quốc Hoàng  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2787-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2019



BẢNG CÂN ĐÒI KẾ TOÁN  
ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>55.827.024.586</b>	<b>55.647.165.099</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>4.131.047.558</b>	<b>1.115.733.989</b>
111	1. Tiền		4.131.047.558	1.115.733.989
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>100.392.537</b>	<b>13.159.351.070</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		62.484	62.484
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	100.330.053	13.159.288.586
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>40.665.683.243</b>	<b>35.183.358.048</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	40.069.711.467	34.458.717.278
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	7	595.971.776	724.640.770
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>10.831.581.112</b>	<b>5.902.350.831</b>
141	1. Hàng tồn kho		10.831.581.112	5.902.350.831
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>98.320.136</b>	<b>286.371.161</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	98.320.136	286.371.161
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>44.133.954.134</b>	<b>45.449.626.307</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>745.066.587</b>	<b>1.661.963.366</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6	745.066.587	1.661.963.366
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>31.200.059.273</b>	<b>31.429.314.290</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	31.200.059.273	31.429.314.290
222	Nguyên giá		89.055.484.464	82.991.020.212
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(57.855.425.191)	(51.561.705.922)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		40.000.000	40.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(40.000.000)	(40.000.000)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>12.188.828.274</b>	<b>12.358.348.651</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	12.188.828.274	12.358.348.651
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>99.960.978.720</b>	<b>101.096.791.406</b>

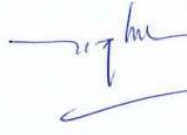
BẢNG CÂN ĐÒI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>7.509.475.988</b>	<b>9.726.556.501</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>7.509.475.988</b>	<b>9.682.414.334</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		60.000.000	61.650.000
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		10.000.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	723.989.693	1.054.310.053
314	4. Phải trả người lao động		5.484.350.477	7.368.700.852
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	766.255.212	674.494.823
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		464.880.606	523.258.606
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	<b>44.142.167</b>
341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	18.3	-	44.142.167
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>92.451.502.732</b>	<b>91.370.234.905</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>13</b>	<b>92.451.502.732</b>	<b>91.370.234.905</b>
411	1. Vốn cổ phần		52.800.000.000	52.800.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		52.800.000.000	52.800.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(160.000.000)	(160.000.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		18.879.322.392	18.879.322.392
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		20.932.180.340	19.850.912.513
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.558.912.513	123.013.526
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		17.373.267.827	19.727.898.987
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>99.960.978.720</b>	<b>101.096.791.406</b>



Vương Quý Khen  
Người lập



Lê Thị Ngọc Hằng  
Kế toán trưởng




Lý Ngọc Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	14.1	438.406.410.003	378.947.818.308
11	2. Giá vốn hàng bán	15, 18	(374.100.726.182)	(316.910.535.557)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		64.305.683.821	62.037.282.751
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	14.2	713.485.066	1.536.856.011
22	5. Chi phí tài chính		(5.753.425)	(41.136.986)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(5.753.425)	(41.136.986)
25	6. Chi phí bán hàng	16, 18	(34.109.899.134)	(30.820.998.652)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17, 18	(8.918.148.012)	(8.061.497.352)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.985.368.316	24.650.505.772
31	9. Thu nhập khác		32.363.639	161.196.250
32	10. Chi phí khác		(9.510.937)	(15.788)
40	11. Lợi nhuận khác		22.852.702	161.180.462
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		22.008.221.018	24.811.686.234
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.1	(4.679.095.358)	(4.438.834.680)
52	14. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	19.3	44.142.167	(644.952.567)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		17.373.267.827	19.727.898.987
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.5	3.300	3.653
71	17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	13.5	3.300	3.653

Vương Quý Khen  
Người lập

Lê Thị Ngọc Hằng  
Kế toán trưởng



Lý Ngọc Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>22.008.221.018</b>	<b>24.811.686.234</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	10	6.293.719.269	6.938.904.857
03	Hoàn nhập dự phòng		-	(7.252.137.734)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(379.002.221)	(1.030.715.906)
06	Chi phí lãi vay		5.753.425	41.136.986
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>27.928.691.491</b>	<b>23.508.874.437</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(4.509.732.493)	(1.020.137.879)
10	Tăng hàng tồn kho		(10.838.886.675)	(3.541.127.945)
11	Giảm các khoản phải trả		(2.124.560.346)	(8.439.303.147)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		357.571.402	(3.351.533.209)
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.753.425)	(41.136.986)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	11	(4.995.523.586)	(4.790.769.060)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(558.378.000)	(583.720.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>5.253.428.368</b>	<b>1.741.146.211</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(154.807.858)	(571.162.443)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	55.181.818
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(100.330.053)	(22.159.288.586)
24	Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		13.159.288.586	21.269.374.526
27	Tiền thu lãi		649.734.526	1.369.616.795
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>13.553.885.201</b>	<b>(36.277.890)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		1.000.000.000	3.000.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.000.000.000)	(3.000.000.000)
36	Cổ tức đã trả	13.3	(15.792.000.000)	(9.475.200.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(15.792.000.000)</b>	<b>(9.475.200.000)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		3.015.313.569	(7.770.331.679)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.115.733.989	8.886.065.668
70	Tiền cuối năm	4	4.131.047.558	1.115.733.989



Vương Quý Khen  
Người lập



Lê Thị Ngọc Hằng  
Kế toán trưởng



Lý Ngọc Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh ("Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo theo Quyết định số 1154/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2005. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh đồng thuận bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 2100110200 ngày 13 tháng 7 năm 2006 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Ngày 9 tháng 9 năm 2010, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã chứng khoán DTV.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán lẻ điện nông thôn; vật tư chuyên ngành điện; thi công lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 35 KV; tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình điện đến cấp điện áp 35 KV.

Công ty có trụ sở chính tại Khóm 1, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 190 (ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 196).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |                                     |   |  |
|-------------------------------------|---|--|
| Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ    | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền   |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền |

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của quyền sử dụng đất.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được và không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.12 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

► *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán điện thương phẩm*

Doanh thu được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và truyền tải đến các hộ dân tại cuối mỗi tháng.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải nộp và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế TNDN hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế TNDN hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.16 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là bán lẻ điện, vật tư chuyên ngành điện và thi công lắp đặt đường dây và trạm biến áp. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan

**4. TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	70.188.406	13.534.567
Tiền gửi ngân hàng	4.060.859.152	1.102.199.422
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.131.047.558</b>	<b>1.115.733.989</b>

**5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Kiên Long và hưởng lãi suất từ 7,3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>40.069.711.467</b>	<b>34.458.717.278</b>
Huyện Châu Thành	10.883.443.974	9.343.765.730
Huyện Càng Long	5.988.776.438	5.059.667.273
Huyện Duyên Hải	5.146.944.495	4.186.735.457
Huyện Cầu Ngang	4.881.796.000	4.098.272.713
Huyện Trà Cú	4.783.596.075	4.147.476.999
Huyện Tiểu Cần	4.741.846.205	4.446.326.045
Huyện Cầu Kè	3.568.284.780	3.080.328.961
Khác	75.023.500	96.144.100
<b>Dài hạn</b>	<b>745.066.587</b>	<b>1.661.963.366</b>
Huyện Châu Thành	162.856.646	330.151.732
Huyện Cầu Kè	118.561.457	268.961.671
Huyện Duyên Hải	114.526.405	168.409.477
Huyện Trà Cú	100.185.498	180.396.802
Huyện Càng Long	92.167.533	261.933.973
Huyện Cầu Ngang	85.697.090	248.410.046
Huyện Tiểu Cần	71.071.958	203.699.665
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>40.814.778.054</b>	<b>36.120.680.644</b>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	225.572.366	55.304.610
Bảo hiểm xã hội trả thừa	128.290.648	-
Tạm ứng nhân viên	57.608.699	5.000.000
Lãi tiền gửi	2.258.262	272.990.567
Khác	182.241.801	391.345.593
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>595.971.776</b>	<b>724.640.770</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	10.790.879.049	5.818.363.520
Công cụ, dụng cụ	35.467.063	66.052.311
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.235.000	17.935.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.831.581.112</b>	<b>5.902.350.831</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>98.320.136</b>	<b>286.371.161</b>
Công cụ, dụng cụ	98.320.136	210.318.844
Khác	-	76.052.317
<b>Dài hạn</b>	<b>12.188.828.274</b>	<b>12.358.348.651</b>
Công cụ, dụng cụ	9.722.990.034	8.883.808.979
Chi phí duy trì và vận hành		
đường dây hạ thế và trạm biến áp	1.610.713.283	2.507.472.270
Quyền sử dụng đất	826.249.384	845.145.280
Khác	28.875.573	121.922.122
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.287.148.410</b>	<b>12.644.719.812</b>

## Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh

B09-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					VND
Số đầu năm	4.426.043.807	106.280.135	78.276.886.740	181.809.530	82.991.020.212
Mua trong năm	-	-	5.628.058.652	-	5.628.058.652
Khác	-	-	436.405.600	-	436.405.600
Số cuối năm	4.426.043.807	106.280.135	84.341.350.992	181.809.530	89.055.484.464
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	1.017.769.305	106.280.135	14.887.005.101	181.809.530	16.192.864.071
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(2.191.939.916)	(106.280.135)	(49.082.873.817)	(180.612.054)	(51.561.705.922)
Khấu hao trong năm	(220.330.883)	-	(6.072.190.910)	(1.197.476)	(6.293.719.269)
Số cuối năm	(2.412.270.799)	(106.280.135)	(55.155.064.727)	(181.809.530)	(57.855.425.191)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	2.234.103.891	-	29.194.012.923	1.197.476	31.429.314.290
Số cuối năm	2.013.773.008	-	29.186.286.265	-	31.200.059.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	663.525.373	44.277.079.589	(44.314.671.721)	625.933.241
Thuế thu nhập doanh nghiệp	388.834.680	4.679.095.358	(4.995.523.586)	72.406.452
Thuế thu nhập cá nhân	1.950.000	839.933.424	(816.233.424)	25.650.000
Khác	-	96.479.538	(96.479.538)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.054.310.053</b>	<b>49.892.587.909</b>	<b>(50.222.908.269)</b>	<b>723.989.693</b>

**12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đường dây hạ áp khu tái định cư Hiệp Thạnh phải trả cho ngân sách Tỉnh Trà Vinh	572.494.823	572.494.823
Khác	193.760.389	102.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>766.255.212</b>	<b>674.494.823</b>

## Công ty Cổ phần Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 13.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					VND
Số đầu năm	52.800.000.000	(160.000.000)	16.304.280.755	12.873.255.163	81.817.535.918
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	19.727.898.987	19.727.898.987
Cổ tức công bố	-	-	-	(9.475.200.000)	(9.475.200.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.575.041.637	(2.575.041.637)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Thù lao cho Hội đồng quản trị,	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-
Số cuối năm	52.800.000.000	(160.000.000)	18.879.322.392	19.850.912.513	91.370.234.905
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	52.800.000.000	(160.000.000)	18.879.322.392	19.850.912.513	91.370.234.905
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	17.373.267.827	17.373.267.827
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(15.792.000.000)	(15.792.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số cuối năm	52.800.000.000	(160.000.000)	18.879.322.392	20.932.180.340	92.451.502.732

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị về kế hoạch chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty tại mức 30% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông. Công ty đã chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức 30% này, tương đương với 15.792.000.000 VND, vào ngày 7 tháng 5 năm 2018.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu thường	Giá trị VND	Cổ phiếu thường	Giá trị VND
Vốn góp cổ đông	5.280.000	52.800.000.000	5.280.000	52.800.000.000
<i>Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh</i>	3.489.272	34.892.720.000	3.489.272	34.892.720.000
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA</i>	1.075.258	10.752.580.000	1.075.258	10.752.580.000
<i>Công ty Cổ phần Galax</i>	375.270	3.752.700.000	375.270	3.752.700.000
<i>Cổ đông khác</i>	340.200	3.402.000.000	340.200	3.402.000.000
Cổ phiếu quỹ	(16.000)	(160.000.000)	(16.000)	(160.000.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.264.000</b>	<b>52.640.000.000</b>	<b>5.264.000</b>	<b>52.640.000.000</b>

**13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu năm và số cuối năm	52.800.000.000	52.800.000.000
<i>Cổ tức công bố</i>	15.792.000.000	9.475.200.000
<i>Cổ tức đã trả</i>	15.792.000.000	9.475.200.000

**13.4 Cổ phiếu**

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	5.280.000	5.280.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.280.000	5.280.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.280.000	5.280.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.280.000	5.280.000
Cổ phiếu quỹ	(16.000)	(16.000)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(16.000)	(16.000)
Cổ phiếu đang lưu hành	5.264.000	5.264.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.264.000	5.264.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**13.5 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	17.373.267.827	19.727.898.987
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(500.000.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	17.373.267.827	19.227.898.987
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	5.264.000	5.264.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	3.300	3.653

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2017 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2017 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2018 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2018 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

**14. DOANH THU**

**14.1 Doanh thu thuần về bán hàng**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện thương phẩm	426.485.282.108	365.550.655.426
Doanh thu bán thiết bị điện	11.921.127.895	13.397.162.882
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>438.406.410.003</b>	<b>378.947.818.308</b>

**14.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	379.002.221	975.534.088
Lãi trả chậm	334.482.845	561.321.923
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>713.485.066</b>	<b>1.536.856.011</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của điện thương phẩm	366.402.033.905	311.363.014.533
Giá vốn của thiết bị điện	7.698.692.277	8.015.030.014
Hoàn nhập dự phòng cải tạo	-	(2.467.508.990)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>374.100.726.182</u></b>	<b><u>316.910.535.557</u></b>

**16. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	30.559.456.387	27.035.816.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.206.301.383	151.768.578
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.153.964.349	2.217.293.207
Chi phí khấu hao	182.178.406	289.892.154
Khác	1.007.998.609	1.126.228.513
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>34.109.899.134</u></b>	<b><u>30.820.998.652</u></b>

**17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.652.761.084	5.782.585.819
Chi phí dịch vụ mua ngoài	555.683.792	531.751.294
Chi phí khấu hao	232.053.924	265.251.744
Thiết bị văn phòng	176.015.671	550.177.289
Khác	1.301.633.541	931.731.206
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.918.148.012</u></b>	<b><u>8.061.497.352</u></b>

**18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí của điện thương phẩm mua vào	355.524.098.083	304.979.253.574
Chi phí nhân viên	37.212.217.471	32.818.402.019
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 10)	6.293.719.269	6.938.904.857
Nguyên vật liệu	6.060.354.282	7.901.602.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.761.985.175	683.519.872
Hoàn nhập dự phòng cải tạo	-	(2.467.508.990)
Khác	10.276.399.048	4.938.858.033
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>417.128.773.328</u></b>	<b><u>355.793.031.561</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**19.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.679.095.358	4.438.834.680
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>(44.142.167)</u>	<u>644.952.567</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.634.953.191</u></b>	<b><u>5.083.787.247</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>22.008.221.018</u></b>	<b><u>24.811.686.234</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	4.401.644.204	4.962.337.247
Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia điều hành trực tiếp	47.200.000	58.450.000
Chi phí không được khấu trừ	<u>186.108.987</u>	<u>63.000.000</u>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>4.634.953.191</u></b>	<b><u>5.083.787.247</u></b>

**19.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**19.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
	VND			
Phân bổ chi phí trả trước	-	(44.142.167)	44.142.167	(44.142.167)
Dự phòng phải trả	-	-	-	(600.810.400)
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>-</b>	<b>(44.142.167)</b>		
<b>Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh</b>			<b>44.142.167</b>	<b>(644.952.567)</b>

**20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ	Trả cổ tức	10.467.816.000	6.280.689.600
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA	Cổ đông lớn	Trả cổ tức	3.225.774.000	1.935.464.400
Công ty Cổ phần Galax	Cổ đông lớn	Trả cổ tức	1.125.810.000	675.486.000

**Giao dịch với các bên liên quan khác:**

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập và thù lao	<u>2.558.564.237</u>	<u>2.106.750.883</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc ngày kế toán năm, khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Dưới 1 năm	4.757.388	37.651.888
Từ 1 đến 5 năm	23.786.940	23.786.940
Trên 5 năm	149.160.740	153.918.128
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>177.705.068</b>	<b>215.356.956</b>

**22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.



\_\_\_\_\_  
Vương Quý Khen  
Người lập



\_\_\_\_\_  
Lê Thị Ngọc Hằng  
Kế toán trưởng




\_\_\_\_\_  
Lý Ngọc Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN NÔNG THÔN TRÀ VINH

Trà Vinh, ngày 25 tháng 3 năm 2019

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



*Lý Ngọc Tuấn*

## **Công ty Cổ phần Phát triển Điện nông thôn Trà Vinh**

Địa chỉ: Khóm 1, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Website: [www.diennongthontv.com](http://www.diennongthontv.com)